

Số: 1299/2024/QĐST-HNGĐ

Biên Hòa, ngày 01 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 924/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con và xác nhận không phải là cha con” giữa:

Nguyên đơn: **Bà Lê Thảo H**, sinh năm 1991.

Địa chỉ thường trú: 418, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

Bị đơn: **Ông Trương Quang N**, sinh năm 1991.

Địa chỉ thường trú: 418, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Lê Thảo H và ông Trương Quang N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thảo H và ông Trương Quang N thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung là cháu Trương Phương A, sinh ngày 29/8/2018. Giao cháu Trương Phương A cho bà Lê Thảo H trực tiếp chăm

sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ông Trương Quang N tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng), kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành, có khả năng lao động.

Ông N không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Ông bà thống nhất kết luận giám định AND số KL-VCI.1700/2024-2 của Viện nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ VIETCARE kết luận mẫu “B1700.VCI” và mẫu “C2.1700.VCI”: không có mối quan hệ huyết thống cha – con. Xác định ông Trương Quang N, sinh năm 1991. Địa chỉ 418, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đ không phải là cha ruột của cháu Trương Quang Đ, sinh ngày sinh ngày 05/9/2021 theo Giấy khai sinh số 314/2021 do UBND phường T cấp ngày 08/11/2021.

Về tài sản chung: Ông bà tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Ông bà trình bày không có, nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí HNGĐ-HGT: Nguyên đơn bà Lê Thảo H tự nguyện chịu số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được căn trừ số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 00003379 ngày 16/4/2024 tại Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hoà. Hoàn trả cho bà H số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí còn dư.

Bị đơn ông Trương Quang N tự nguyện chịu số 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí xác nhận không phải là cha con và số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được căn trừ số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phản tố đã nộp theo biên lai số 0004160 ngày 10/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hoà.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa (2);
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa (1);
- Các đương sự (2);
- UBND nơi đăng ký kết hôn (1);
- UBND nơi đăng ký khai sinh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng và Thẩm phán (3).

THẨM PHÁN

Trương Thị Diệp